

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Nước Mặn - Nơi phơi thai chữ Quốc ngữ thuộc thôn An Hòa, xã Tuy Phước Bắc, tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Căn cứ Quyết định số 4165/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh về việc xếp hạng di tích cấp tỉnh: Di tích lịch sử Nước Mặn - Nơi phơi thai chữ Quốc ngữ thuộc xã Phước Quang, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản số 10077/UBND-VX ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh về chủ trương lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư một số công trình tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch di tích:

1.1. Tên nhiệm vụ lập quy hoạch di tích:

Nhiệm vụ lập quy hoạch: Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Nước Mặn - Nơi phơi thai chữ Quốc ngữ thuộc Thôn An Hòa, xã Tuy Phước Bắc, tỉnh Gia Lai.

1.2. Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch di tích và phạm vi lập quy hoạch di tích:

a) Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch di tích:

Khu đất dự kiến quy hoạch với diện tích 5.060,12 m², thuộc thôn An Hòa, xã Tuy Phước Bắc, tỉnh Gia Lai.

b) Phạm vi lập quy hoạch di tích: Quy hoạch di tích được lập với quy mô khoảng 5.060,12 m², được giới hạn bởi các tọa độ:

STT	Ký hiệu	Tọa độ	
		X	Y
1	T1	600174,699	15383340,09
2	T2	600170,498	1538340,265
3	T3	600159,349	1538338,33
4	T4	600157,315	1538350,05
5	T5	600098,439	1538352,138
6	T6	600098,678	1538285,223
7	T7	600147,848	1538292,939
8	T8	600165,087	1538294216
9	T9	600171,767	1538296,818
10	T10	600199,145	1538310,155
11	T11	600185,629	1538340,645
12	T12	600174,955	1538338,793

c) Ranh giới lập quy hoạch di tích:

- Phía Bắc giáp: Nhà dân hiện hữu;
- Phía Nam giáp: Nhà dân hiện hữu;
- Phía Đông giáp: Giáp đường dân sinh;
- Phía Tây giáp: Đất trồng lúa.

1.3. Các nội dung chính của Nhiệm vụ lập quy hoạch di tích:

a) Xác định yêu cầu nghiên cứu, khảo sát, đánh giá hiện trạng di tích:

- Nghiên cứu khảo sát di tích:
 - + Khảo sát, điều tra, sưu tầm tài liệu, tổng hợp các dữ liệu, số liệu về lịch sử, văn hóa của di tích, chụp ảnh, vẽ ghi, phân tích đánh giá kiến trúc các công trình, khảo sát đo đạc địa hình theo tỷ lệ phạm vi quy hoạch.
 - + Khảo sát tình trạng kỹ thuật của khu đất quy hoạch và các hạng mục công trình tại di tích.
 - + Khảo sát các di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu gắn với di tích.
 - + Khảo sát hiện trạng và đánh giá hiệu quả công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích, tình hình đầu tư các dự án bảo tồn, tu bổ di tích trong giai đoạn trước đây.
 - + Khảo sát hiện trạng và đánh giá hiệu quả hoạt động du lịch và các hoạt động khác tại di tích.

- Nghiên cứu, khảo sát khu vực lập quy hoạch:
 - + Khảo sát, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu vực quy hoạch; hiện trạng kiến trúc, xây dựng đối với các công trình khu vực nghiên cứu.
 - + Khảo sát hệ thống giao thông và những áp lực lên di tích, nhận diện những nguy cơ xung đột giữa phát triển đô thị và bảo tồn di tích.
 - + Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội của khu vực ảnh hưởng đến việc lập và triển khai thực hiện quy hoạch;
 - + Rà soát chủ trương, chính sách, các quy hoạch, dự án của xã Tuy Phước Bắc và khu vực tác động đến việc thực hiện quy hoạch.
 - + Xác định những vấn đề cần giải quyết, những hạn chế đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích cần giải quyết trong quy hoạch, các vấn đề trọng tâm cần ưu tiên.

b) Xác định đặc trưng và giá trị tiêu biểu của Khu di tích:

b1) Đặc trưng:

- Đô thị cảng sông cổ: Nước Mặn từng là một trong ba đô thị cảng sông quan trọng của Đàng Trong vào thế kỷ XVI-XVII, nơi giao thương sầm uất với thuyền buôn phương Tây và các nước Đông Nam Á.
- Cú sở truyền giáo tiên khởi: Nước Mặn là nơi đóng bản doanh của giáo đoàn các thừa sai Dòng Tên vào đầu thế kỷ XVII (năm 1618). Đây là cú sở truyền giáo đầu tiên do các linh mục Buzomi, Pina, Borri đảm nhiệm.
- Nơi phôi thai chữ Quốc ngữ: Đây là nơi các giáo sĩ Dòng Tên tiên phong trong việc sáng tạo chữ Quốc ngữ, đặc biệt là linh mục Francesco Buzomi, Francisco de Pina và Christophoro Borri đã sinh sống, hoạt động truyền giáo, học tập, nghiên cứu và phiên âm tiếng Việt.
- Vai trò của quan trấn phủ Trần Đức Hòa: Quan trấn phủ Quy Nhơn - Trần Đức Hòa đã chiêu mộ, bảo hộ các nhà truyền giáo, cung cấp nơi ăn ở và điều kiện thuận lợi để họ hoạt động và sáng tạo chữ Quốc ngữ tại Nước Mặn.

b2) Giá trị tiêu biểu:

- Về giá trị lịch sử:
 - + Khởi nguyên của chữ Quốc ngữ: Nước Mặn được xác định là nơi phôi thai, điểm khởi nguyên của chữ Quốc ngữ, một loại chữ viết có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển văn hóa, ngôn ngữ và nền độc lập dân tộc Việt Nam.
 - + Giao lưu văn hóa Đông - Tây: Di tích ghi dấu sự giao lưu mạnh mẽ giữa Việt Nam và phương Tây trong các thế kỷ XVII-XVIII thông qua hoạt động thương mại và truyền giáo, đặc biệt là quá trình Latinh hóa tiếng Việt.
 - + Công lao của các giáo sĩ Dòng Tên: Ghi nhận đóng góp của các giáo sĩ Dòng Tên như Buzomi, Pina, Borri trong giai đoạn đầu hình thành chữ Quốc ngữ (1618-1622). Các tài liệu viết tay và tác phẩm của họ đã chứng minh sự khởi đầu hình thành chữ Quốc ngữ tại Nước Mặn.
 - + Ý nghĩa cách mạng: Chữ Quốc ngữ ra đời góp phần quan trọng vào thắng

lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đặc biệt trong công tác tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam vào Cách mạng tháng Tám 1945.

- Giá trị văn hóa:

+ Bảo tồn và phát huy tiếng Việt: Chữ Quốc ngữ là công cụ hữu hiệu để bảo tồn nền văn hóa Việt Nam, mở rộng chức năng của tiếng Việt và đưa nó vươn lên thành ngôn ngữ quốc gia.

+ Thúc đẩy văn học và học thuật: Sự ra đời của chữ Quốc ngữ đã góp phần xây dựng nền Quốc văn và Quốc học hiện đại, phong phú, đa dạng hơn rất nhiều so với văn học chữ Hán và chữ Nôm.

+ Biểu tượng dân tộc: Việc người Việt tự nguyện chấp nhận và biến chữ Quốc ngữ thành quốc tự của dân tộc chứng tỏ tinh thần độc lập, không bị đồng hóa.

- Giá trị khoa học:

+ Nghiên cứu ngôn ngữ học: Di tích cung cấp cơ sở dữ liệu quý giá cho các nhà ngôn ngữ học nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của chữ Quốc ngữ, đặc biệt là giai đoạn phôi thai với những đặc điểm phiên âm ban đầu và sự đóng góp của nhiều giáo sĩ.

+ Khoa học hóa ngôn ngữ: Chữ Quốc ngữ là loại chữ ghi âm, có khả năng phổ biến nhanh, dễ học, dễ hiểu, với hệ thống dấu thanh tạo điều kiện ghi chính xác hơn tiếng Việt, làm cho ngôn ngữ trở nên khoa học và hoàn hảo hơn.

- Giá trị thẩm mỹ:

+ Kiến trúc đài tưởng niệm: Đài tưởng niệm được xây dựng theo lối kiến trúc hiện đại, bằng các chất liệu chủ yếu là đá xanh, bê tông cốt thép, mang ý nghĩa tưởng nhớ các thừa sai Dòng Tên đầu tiên. Công trình có hình dáng một cây cổ thụ tỏa ra 16 nhánh, tượng trưng cho 16 giáo phận của Thiên Chúa giáo hiện nay, mang tính biểu tượng cao.

+ Cảnh quan đô thị cổ: Mặc dù các cơ sở vật chất cũ không còn, nhưng cảnh thị Nước Mặn xưa kia với quy mô và sự sầm uất được mô tả trong các tài liệu, cho thấy giá trị về cảnh quan đô thị cổ.

c) Nội dung và định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

c1) Quan điểm, nguyên tắc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

- Tuân thủ pháp luật: Thực hiện theo các quy định của pháp luật về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, và đặc biệt là Luật Di sản Văn hóa và Nghị định số 208/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Giữ gìn yếu tố gốc: Đảm bảo giữ gìn tối đa yếu tố gốc của di tích, đặc biệt là những dấu vết, phát hiện khảo cổ học liên quan đến cứ sở truyền giáo và quá trình hình thành chữ Quốc ngữ.

- Phát huy giá trị: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững, phục vụ nghiên cứu, tham quan.

- Phù hợp quy hoạch: Đảm bảo phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và quy hoạch phát triển các ngành trong khu vực, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hài hòa về cảnh quan và kiến trúc.

c2) Phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của toàn khu vực quy hoạch:

- Bảo tồn tại chỗ: Ưu tiên bảo tồn và giữ gìn các dấu tích khảo cổ, móng và các hiện vật phát hiện trong quá trình thực hiện (nếu có).

- Tu bổ, chỉnh trang cây đa: Thực hiện các biện pháp tu bổ, chỉnh trang, bảo dưỡng định kỳ đối với cây đa hiện có, bao gồm phần chân đế, cây cổ thụ bê tông cốt thép cao 10m và 7 tấm bia đá bằng 7 thứ tiếng, để đảm bảo công trình bền vững và phát huy ý nghĩa lịch sử.

- Bảo vệ cảnh quan môi trường: Đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong khu vực quy hoạch di tích.

c3) Danh mục công trình cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo quản, tu bổ, phục hồi đối với từng công trình:

- Đài tưởng niệm (cây đa):

+ Mức độ: Tu bổ, tôn tạo, chỉnh trang định kỳ.

+ Nội dung: Kiểm tra, sửa chữa các hư hỏng của cấu kiện bê tông cốt thép, đá ốp lát; vệ sinh, làm sạch công trình; bảo dưỡng các tấm bia đá; hệ thống chiếu sáng cảnh quan.

- Khuôn viên di tích:

+ Mức độ: Cải tạo, chỉnh trang tổng thể.

+ Nội dung: Chỉnh trang hệ thống tường rào, cổng ngõ (làm theo lối giả thân tre) để đảm bảo mỹ quan và an toàn. Trồng bổ sung cây xanh cảnh quan và bố trí các không gian xanh hợp lý như thể hiện trên bản vẽ tổng mặt bằng.

- Dấu tích khảo cổ: Bảo quản đặc biệt, nghiên cứu chuyên sâu (nếu có).

c4) Nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

- Nguyên tắc:

+ Tôn trọng tính nguyên gốc của di tích.

+ Đảm bảo tính khoa học, khách quan trong mọi hoạt động.

+ Sử dụng vật liệu và kỹ thuật phù hợp, truyền thống kết hợp hiện đại nhưng không làm biến dạng di tích.

+ Huy động sự tham gia của cộng đồng và các chuyên gia.

- Giải pháp:

+ Giải pháp kỹ thuật: Áp dụng các kỹ thuật bảo quản, tu bổ tiên tiến, phù hợp với đặc điểm vật liệu và kết cấu của công trình.

+ Giải pháp vật liệu: Ưu tiên sử dụng vật liệu truyền thống, có nguồn gốc địa phương và có độ bền cao, phù hợp với môi trường.

+ Giải pháp quản lý: Xây dựng quy chế quản lý, bảo vệ di tích chặt chẽ; phân công rõ ràng trách nhiệm của các bên liên quan (Ban Quản lý di tích, chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư).

+ Giải pháp tài chính: Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư (ngân sách nhà nước, xã hội hóa, hợp tác quốc tế) để đảm bảo nguồn lực cho công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích.

+ Giải pháp ứng dụng công nghệ: Áp dụng công nghệ số hóa, 3D để lưu trữ thông tin, hình ảnh di tích, phục vụ công tác nghiên cứu, bảo tồn và quảng bá.

d) Định hướng quy hoạch sử dụng đất

CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT			
STT	Cơ cấu loại đất	Diện tích (m²)	Mật độ xây dựng (%)
1	Đất di tích	66,5	1,31%
2	Đất dịch vụ	507,22	10,02%
3	Đất cây xanh	3.761,02	74,33%
4	Đất giao thông	725,38	14,34%
	Tổng cộng	5.060,12	100,00%

- Đất di tích: 66,5 m² (chiếm 1.31%) gồm cây đa di tích.

- Đất dịch vụ: 507,22 m² (chiếm 10,02%). Các công trình phục vụ khách thăm quan: Nhà thông tin; Nhà vệ sinh và khu kiot.

- Đất cây xanh: 3.761,02 m² (chiếm 74.33%). Tập trung tạo lập các không gian xanh đa dạng: Cây xanh; Vườn hoa; Vườn cảnh quan đá; Khu cảnh quan bảo tồn; Ưu tiên sử dụng cây địa phương, cây bóng mát, cây trang trí, thảm cỏ, hoa để tạo không gian sinh thái hài hòa với di tích.

- Đất giao thông: 725.38 m² (chiếm 14.34%). Gồm hệ thống giao thông nội bộ và sân vườn phục vụ du khách đến tham quan.

e) Định hướng tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan và xây dựng công trình mới:

e1) Phân vùng chức năng:

- Khu vực trung tâm di tích (Biểu tượng nguồn cội): Tập trung vào việc bảo tồn, tôn tạo Đài tưởng niệm hiện hữu, là hạt nhân chính của di tích, nơi tưởng niệm các thừa sai Dòng Tên và ghi nhận sự ra đời của chữ Quốc ngữ.

- Khu vực phụ trợ và dịch vụ: Bố trí các công trình phụ trợ như nhà thông tin, khu ki-ốt và nhà vệ sinh ở các vị trí hợp lý để phục vụ du khách và công tác quản lý di tích.

- Khu vực cây xanh cảnh quan: Mở rộng và phát triển các diện tích cây xanh, tạo không gian xanh mát, hài hòa với tổng thể di tích và cảnh quan nông thôn xung quanh.

- Khu vực giao thông: Quy hoạch lối đi, sân bãi nội bộ thuận tiện cho việc tiếp cận và tham quan của du khách.

- Khu vực giếng cổ và nhà che giếng: Bảo tồn giếng cổ và xây dựng nhà che giếng để bảo vệ di tích, đồng thời tạo điểm nhấn cảnh quan.

e2) Định hướng tổ chức không gian, tôn tạo kiến trúc cảnh quan di tích:

- Tôn trọng yếu tố lịch sử và văn hóa: Kiến trúc và cảnh quan tổng thể sẽ được thiết kế theo hướng trang nghiêm, thể hiện được giá trị lịch sử và văn hóa của di tích Nước Mặn, nơi phôi thai chữ Quốc ngữ.

- Biểu tượng nguồn cội (hình dáng cây cổ thụ): Giữ nguyên thiết kế hiện có của cây biểu tượng với hình dáng cây cổ thụ cao 10m, đường kính trung bình 1,5m, từ đỉnh tỏa ra 16 nhánh tượng trưng cho 16 giáo phận, và 7 tấm bia đá gắn quanh thân cây. Đây là điểm nhấn trung tâm của di tích.

- Quy hoạch cây xanh cảnh quan:

+ Quy hoạch theo thiết kế để tạo bóng mát và không gian thoáng đãng,
+ Bổ sung thêm cây xanh lớn và cây bụi, đặc biệt là quanh khu vực biểu tượng để tăng tính trang nghiêm và thẩm mỹ.

+ Sử dụng các loại cây phù hợp với điều kiện khí hậu địa phương, ưu tiên cây bản địa.

- Hàng rào và cổng ngõ: Chủ yếu sử dụng hàng rào cây xanh, kết hợp trụ giả bê tông cốt thép làm theo lối giả thân gỗ đều đặn, đảm bảo sự thống nhất về mặt kiến trúc và an ninh cho di tích.

- Giao thông đi lại: Quy hoạch các lối đi bộ nội bộ quanh biểu tượng cội nguồn và các công trình phụ trợ, đảm bảo sự liên kết và thuận tiện cho du khách di chuyển.

e3) Định hướng xây dựng công trình mới:

- Khu biểu tượng hình cuốn sách:

+ Thiết kế một khu biểu tượng với hình dáng các trang sách lật mở, tượng trưng cho sự ra đời và phát triển của chữ Quốc ngữ.

+ Công trình sẽ được đặt ở vị trí trang trọng, hài hòa với Biểu tượng nguồn cội hiện hữu.

+ Sử dụng vật liệu bền vững, hiện đại, mang tính trang trọng, tôn vinh giá trị văn hóa.

- Hạng mục nhà che giếng:

+ Xây dựng nhà che giếng cổ với kiến trúc truyền thống, phù hợp với cảnh quan làng quê Việt Nam và không gian di tích.

+ Nhà che giếng sẽ có mái ngói âm dương, cột gỗ hoặc bê tông giả gỗ, tạo sự gần gũi và bảo vệ giếng khỏi tác động của thời tiết.

+ Đảm bảo việc tiếp cận giếng thuận tiện cho du khách tham quan, đồng thời giữ gìn tính nguyên bản của giếng cổ.

- Công trình kiến trúc phụ trợ:

+ Nhà thông tin: Xây dựng mới với kiến trúc hài hòa, vật liệu thân thiện môi trường, có diện tích khoảng 400 m², phục vụ trưng bày tư liệu, hình ảnh về

lịch sử di tích về chữ Quốc ngữ.

+ Khu Ki-ốt và Nhà vệ sinh: Bố trí khu vực này ở vị trí kín đáo, đảm bảo vệ sinh môi trường, đồng thời cung cấp dịch vụ tiện ích cho du khách.

+ Vật liệu và hình thức kiến trúc: Ưu tiên sử dụng vật liệu truyền thống, gần gũi với kiến trúc địa phương nhưng vẫn đảm bảo độ bền và tính hiện đại; Hình thức kiến trúc các công trình mới cần đơn giản, hài hòa, không lấn át giá trị chính của biểu tượng và không gian di tích.

- **Độ cao và mật độ xây dựng:** Các công trình mới sẽ được kiểm soát chặt chẽ về chiều cao và mật độ xây dựng để không phá vỡ cảnh quan tổng thể và tầm nhìn đến di tích.

e4) Quy hoạch xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống san nền:

+ **Mục tiêu:** Đảm bảo cao độ nền phù hợp với cảnh quan tự nhiên, thoát nước bề mặt hiệu quả và tạo mặt bằng ổn định cho các công trình hiện hữu và công trình xây dựng mới trong khuôn viên di tích.

+ **Nhiệm vụ:**

++ Khảo sát địa hình hiện trạng chi tiết toàn bộ khu vực quy hoạch di tích để xác định các cao độ khống chế.

++ Đề xuất giải pháp san nền tối ưu, hạn chế tối đa việc đào đắp lớn, bảo vệ cấu trúc địa chất và các dấu tích khảo cổ có thể có.

++ Tính toán khối lượng san nền dự kiến và phương án vận chuyển, xử lý đất thải (nếu có) một cách hợp lý, tiết kiệm.

- Hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường:

+ **Mục tiêu:** Thu gom và xử lý nước mưa, nước thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường, không gây úng ngập và ô nhiễm cho khu di tích và khu vực lân cận.

+ **Nhiệm vụ:**

++ Đánh giá hiện trạng hệ thống thoát nước hiện có trong và ngoài khu vực di tích.

++ Đề xuất phương án quy hoạch hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với thoát nước thải sinh hoạt.

++ Thiết kế hệ thống thoát nước mưa bề mặt và ngầm đảm bảo tiêu thoát nhanh chóng, tránh gây ngập úng.

++ Quy hoạch hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung hoặc phân tán (tùy theo quy mô và điều kiện cụ thể) đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả thải.

++ Đề xuất giải pháp quản lý chất thải rắn (rác thải) phù hợp, đảm bảo vệ sinh chung cho khu di tích.

- **Hệ thống cấp nước:**

+ **Mục tiêu:** Cung cấp đủ nước sạch cho các hoạt động của di tích (vệ sinh,

tươi cây, phòng cháy chữa cháy...) và sinh hoạt của nhân viên, du khách.

+ Nhiệm vụ:

++ Khảo sát nguồn nước hiện có (nước máy, giếng khoan...).

++ Đánh giá nhu cầu sử dụng nước của di tích và các công trình liên quan.

++ Đề xuất phương án cấp nước, bao gồm hệ thống đường ống, bể chứa và các thiết bị phụ trợ cần thiết.

++ Ưu tiên sử dụng các giải pháp tiết kiệm nước và tái sử dụng nước (nếu khả thi).

- Hệ thống cấp điện chiếu sáng:

+ **Mục tiêu:** Cung cấp điện đầy đủ, ổn định cho các hoạt động chiếu sáng, vận hành thiết bị trong di tích và đảm bảo an ninh, an toàn.

+ Nhiệm vụ:

++ Đánh giá hiện trạng nguồn điện và mạng lưới điện khu vực.

++ Thiết kế hệ thống cấp điện cho các công trình và khu vực công cộng trong khuôn viên di tích.

++ Lập phương án chiếu sáng cảnh quan, chiếu sáng công trình đảm bảo tính thẩm mỹ, an toàn và tiết kiệm năng lượng.

++ Đề xuất hệ thống điện dự phòng (nếu cần thiết) và các biện pháp an toàn điện theo quy định.

2. Thành phần hồ sơ:

Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17/7/2025 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

3. Kinh phí thực hiện quy hoạch di tích:

3.1. Dự toán kinh phí thực hiện quy hoạch di tích, làm tròn: 175.213.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm mười ba nghìn đồng*). Cụ thể:

- Chi phí khảo sát địa hình, giám sát khảo sát	:	11.892.593 đồng;
- Chi phí lập quy hoạch tổng mặt bằng	:	54.486.000 đồng;
- Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	:	39.960.000 đồng;
- Chi phí khác	:	68.874.336 đồng;
+ <i>Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch</i>	:	<i>7.400.000 đồng;</i>
+ <i>Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch</i>	:	<i>6.205.350 đồng;</i>
+ <i>Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch</i>	:	<i>5.347.700 đồng;</i>
+ <i>Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng</i>	:	<i>5.000.000 đồng;</i>
+ <i>Chi phí công bố đồ án quy hoạch</i>	:	<i>5.000.000 đồng;</i>

- + Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán : 998.714 đồng;
- + Chi phí cắm mốc giới theo quy hoạch : 38.922.572 đồng;

3.2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước.

4. Kế hoạch thực hiện quy hoạch di tích:

- Lập, thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch di tích: Tháng 12/2025.
- Lập, thẩm định, phê duyệt và công bố, cắm mốc giới quy hoạch được duyệt: Tháng 12/2025.

Điều 2. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với xã Tuy Phước Bắc và các ngành liên quan căn cứ nhiệm vụ lập quy hoạch tổ chức lập đồ án quy hoạch di tích, trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Tuy Phước Bắc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *Vương*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, V1, V5, V8.

Lauch

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Thanh Lịch